

TỈNH ỦY HẬU GIANG  
BAN TUYÊN GIÁO

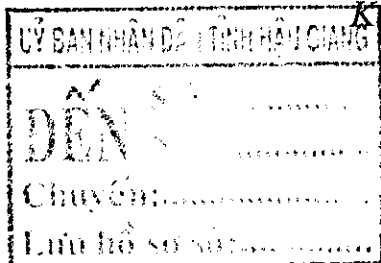
\*

Số 286-CV/BTGTU

V/v sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị  
số 10-CT/TW của Bộ Chính trị

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Vị Thanh, ngày 29 tháng 9 năm 2016



Kính gửi: - Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy;

- Ban Tuyên giáo các huyện, thị, thành ủy.

Quản triệt và thực hiện Công văn số 1185-CV/BTGTW, ngày 12/9/2016 của Ban Tuyên giáo Trung ương “Về việc sơ kết 5 năm Chỉ thị 10-CT/TW, ngày 5/12/2011 về phổ cập giáo dục”; để kịp thời tổng hợp tình hình, xây dựng báo cáo trình Thường trực Tỉnh ủy và báo cáo về Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ như sau:

- Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng báo cáo sơ kết 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị “Về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn” trên địa bàn tỉnh, thông qua Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, sau đó gửi về Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

- Ban Tuyên giáo các huyện, thị, thành ủy phối hợp với ngành chức năng cùng cấp xây dựng báo cáo sơ kết 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị ở cấp mình, trình với Thường trực cấp ủy và gửi báo cáo về Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị (theo hướng dẫn gửi kèm) gửi văn bản về Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trước ngày 31/10/2016 và gửi kèm file theo địa chỉ email [ngocthuy63tg@gmail.com](mailto:ngocthuy63tg@gmail.com) (ĐT 0985760079).

Rất mong các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp thực hiện tốt tinh thần công văn này./.

Nơi nhận

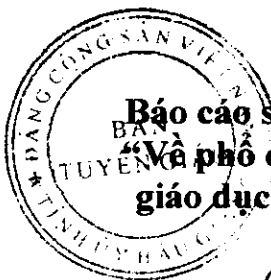
- Như kính gửi;

- Lưu VPBTG, PKG.

K/T TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Văn Tho



## HƯỚNG DẪN

**Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị  
“Về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập  
giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh  
sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn”**

*(kèm theo Công văn số 286-CV/BTGTU, ngày 29/9/2016  
của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)*

Báo cáo cần tập trung làm nổi bật một số nội dung sau đây:

### **I. Quá trình tổ chức triển khai Chỉ thị số 10-CT/TW**

- Quá trình ban hành các văn bản triển khai Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 115-CTr/TU ngày 21/8/2012 của Tỉnh ủy.
- Công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 115-CTr/TU của Tỉnh ủy.
- Đánh giá khái quát kết quả đạt được của địa phương, đơn vị.

### **II. Kiểm điểm việc thực hiện 9 nhiệm vụ và giải pháp đã được quán triệt trong Chỉ thị số 10-CT/TW**

#### **1. Nhiệm vụ giải pháp thứ nhất**

- Những việc đã làm được.
- Hạn chế, yếu kém.
- Nguyên nhân.

Trong phần này cần tập trung vào một số nội dung sau đây:

- Những chính sách và tác động của chính sách (Trung ương, địa phương) đối với công tác phổ cập mầm non; đánh giá mức độ hoàn thành phổ cập mầm non.
- Phân tích và so sánh (trước và sau khi thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW) những kết quả đạt được, những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng và tính bền vững của công tác phổ cập giáo dục mầm non để đưa ra những nhận định phù hợp.
- Khi kiểm điểm đánh giá cần bám sát những tiêu chí công nhận kết quả và các điều kiện bảo đảm phổ cập giáo dục mầm non (tỷ lệ huy động trẻ ra lớp; đội ngũ giáo viên; cơ sở vật chất; thực hiện chăm sóc, giáo dục mầm non).

#### **2. Nhiệm vụ giải pháp thứ hai**

- Những việc đã làm được.

- Hạn chế, yếu kém.

- Nguyên nhân.

Trong phần này cần tập trung vào một số nội dung sau đây:

- Nhấn mạnh việc củng cố, duy trì và phát triển kết quả phổ cập giáo dục (PCGD) đã đạt được, nhất là kết quả phổ cập giáo dục tiểu học (PCGDTH) đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (PCGDTHCS) ở những vùng đặc biệt khó khăn. Bám sát những tiêu chí: học sinh, giáo viên, cơ sở vật chất, tính bền vững của công tác phổ cập.

- So sánh kết quả thực hiện trong 5 năm, nhất là với các xã đặc biệt khó khăn chưa đạt chuẩn.

- Đánh giá công tác PCGD trung học (THPT; trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề; bổ túc văn hóa trung học phổ thông gắn với dạy nghề) ở các địa phương.

### **3. Nhiệm vụ giải pháp thứ ba**

- Những việc đã làm được.

- Hạn chế, yếu kém.

- Nguyên nhân.

Trong phần này cần tập trung vào một số nội dung sau đây:

- Bám sát những tiêu chí công nhận kết quả đạt chuẩn xóa mù chữ (XMC) cho người trong độ tuổi lao động. Tỷ lệ người tái mù chữ ở người lớn, nhất là ở những vùng đặc biệt khó khăn, người lao động tự do để đưa ra những giải pháp khắc phục.

- Những hỗ trợ trong công tác XMC.

- Các giải pháp để giảm tỷ lệ tái mù chữ ở người lớn, đặc biệt ở những vùng khó khăn, dân tộc thiểu số.

### **4. Nhiệm vụ giải pháp thứ tư**

- Những việc đã làm được: tỷ lệ phân luồng, những chính sách hỗ trợ....

- Hạn chế, yếu kém.

- Nguyên nhân.

Trong phần này cần tập trung vào một số nội dung sau đây:

- Kết quả phân luồng sau trung học cơ sở (THCS) của địa phương. Phản ánh thực trạng và những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện chủ trương phân luồng sau THCS.

- Trình bày những giải pháp thực hiện phân luồng học sinh, như: khuyến khích phát triển giáo dục nghề nghiệp (khuyến khích người dạy, người học và người sử dụng lao động qua đào tạo nghề)..

- Hiệu quả đầu tư nâng cấp cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Việc thực hiện chủ trương hợp nhất các trung tâm dạy nghề, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm với trung tâm giáo dục thường xuyên.

### **5. Nhiệm vụ giải pháp thứ năm**

- *Những việc đã làm được.*
- *Hạn chế, yếu kém.*
- *Nguyên nhân.*

Trong phần này cần tập trung vào một số nội dung sau đây:

- Các nguồn lực của Trung ương, của địa phương ưu tiên cho các địa phương đặc biệt khó khăn để củng cố và phát triển kết quả PCGDTH đúng độ tuổi và PCGDTHCS; Tỷ lệ học sinh được vào học trong các trường phổ thông dân tộc nội trú; Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo ở những vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

- Giải pháp giảm tỷ lệ lưu ban và bỏ học của học sinh dân tộc thiểu số.

### **6. Nhiệm vụ giải pháp thứ sáu**

- *Những việc đã làm được.*
- *Hạn chế, yếu kém.*
- *Nguyên nhân.*

Trong phần này cần tập trung vào một số nội dung sau đây:

- Nêu thực trạng và những bất cập, yếu kém của các trường sư phạm. Thực hiện chủ trương đổi mới hoạt động của các trường sư phạm; đổi mới chương trình đào tạo giáo viên; chính sách ưu tiên đối với ngành sư phạm; công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên.

### **7. Nhiệm vụ giải pháp thứ bảy**

- *Những việc đã làm được.*
- *Hạn chế, yếu kém.*
- *Nguyên nhân.*

Trong phần này cần tập trung vào một số nội dung sau đây:

Việc hoàn thiện chính sách và thực hiện chủ trương rà soát, sắp xếp lại đội ngũ giáo viên; chính sách ưu đãi đối với giáo viên, nhất là giáo viên đang công tác tại những vùng đặc biệt khó khăn, các giáo viên công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số; chính sách đối với học sinh và giáo viên thực hiện công tác phổ cập; chính sách ưu đãi đối với giáo viên ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhất là giáo viên có khả năng vừa dạy lý thuyết, vừa dạy thực hành.

### **8. Nhiệm vụ giải pháp thứ tám**

- Những việc đã làm được.
- Hạn chế, yếu kém.
- Nguyên nhân.

Trong phần này cần tập trung vào một số nội dung sau đây:

- Công tác xã hội hóa giáo dục ở địa phương; sử dụng các nguồn lực đầu tư cho giáo dục; đánh giá kết quả hoạt động thể hiện trách nhiệm của hệ thống chính trị trong công tác XMC và PCGD.

- Kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trong công tác XMC và PCGD, nhất là vùng đặc biệt khó khăn.

- Cơ sở vật chất phục vụ công tác phổ cập: thừa, thiếu, quy hoạch, trường chuẩn quốc gia...

### **9. Nhiệm vụ giải pháp thứ chín**

- Những việc đã làm được.
- Hạn chế, yếu kém.
- Nguyên nhân.

Trong phần này cần tập trung vào một số nội dung sau đây:

- Công tác chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền (xây dựng chương trình, kế hoạch hành động; đầu tư nguồn lực...) để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 115-CTr/TU của Tỉnh ủy.

- Công tác tuyên truyền vận động, biểu dương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình, kế hoạch hành động của các cấp ủy và chính quyền.

### **III. Đánh giá chung**

Căn cứ vào kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 115-CTr/TU của Tỉnh ủy để đánh giá khái quát về kết quả làm được và chưa làm được:

1. Những ưu điểm.
2. Những hạn chế, yếu kém.
3. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

Tóm tắt những nguyên nhân chủ quan và khách quan, nhất là nguyên nhân chủ quan để tìm giải pháp khắc phục có hiệu quả.

Cần thể hiện rõ vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng và sự cố gắng của cả hệ thống chính trị, của toàn dân, nhất là đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong quá trình thực hiện nhiệm vụ PCGD, phân luồng học sinh sau THCS và XMC cho người lớn.

#### **IV. Phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2021**

Phần này cần bám sát nội dung Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013) phân công tác phổ cập giáo dục và phân luồng học sinh, Chương trình hành động số 115-CTr/TU của Tỉnh ủy.

Trên cơ sở tình hình thực tế địa phương, đề xuất những phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, khả thi.

#### **V. Kiến nghị, đề xuất**

- Đối với Trung ương.
- Đối với tỉnh.

*Lưu ý:* Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo, các huyện, thị, thành ủy ngoài phân báo cáo tổng hợp cần kèm theo các phụ lục về số liệu./.